

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày 27 tháng 5 năm 2025
V/v “Tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ – TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuyến và bà Hoàng Thị Gấm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-DS ngày 14/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Triệu Văn H**, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số nhà C, phố N, phường Á, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Đặng Văn T**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khu X, xã T (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ UBND xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Xuân P, chức vụ: Chủ tịch UBND xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Danh P1 – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

+ Chị Tạ Thị Hồng G, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu X, xã T (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số nhà C, phố N, phường Á, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Triệu Văn H trình bày: Ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị L có quyền sử dụng diện tích đất 1.209,9m² (trong đó có 400m² đất ở và 809,9m² đất trồng cây lâu năm), thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 11 tại địa chỉ: khu B, xã T (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/4/2021 đứng tên ông và bà L. Anh T4, chị G có quyền sử dụng đất là thửa đất số 103, tờ bản đồ số 11, diện tích 888,8 m² (trong đó đất ở ONT = 400,0m², đất trồng cây lâu năm = 488,8m²), địa chỉ thửa đất tại khu B- T, xã T (nay là khu B, xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 284585 ngày 23/10/2015 đứng tên anh Đặng Văn T và chị Tạ Thị Hồng G. Thửa đất nhà anh T, chị G giáp, liền kề với thửa đất nhà ông. Tháng 8/2021 anh T, chị G có đề nghị UBND xã T (nay là xã M) cho hạ cốt nền thửa đất của nhà anh T, chị G. Ủy ban xã đã cho phép anh T, chị G san gạt diện tích đất thửa đất trên là 400m² với chiều cao trung bình 1,5m. Tuy nhiên, anh T, chị G đã san gạt toàn bộ diện tích đất trên và chiều cao vượt quá giới hạn của UBND xã cho phép nên dẫn đến làm đổ đoạn tường rào nhà ông có chiều dài là 10,6m, đoạn tường rào còn lại có chiều dài 19,5m đã bị lở đất đến chân móng. Ông đã đóng cọc tre chéo để bảo vệ đất và tường rào nhà ông nhưng vẫn bị sạt lở đất. Nay ông đề nghị anh T, chị G phải bồi thường đoạn tường rào bị đổ của nhà ông là 10,6m trị giá 1.665.000đ và anh T, chị G phải xây dựng tường rào kè chắn đất trên diện tích đất của nhà anh T phía giáp với đất nhà ông có chiều dài tương ứng với đoạn tường rào nhà ông chưa bị đổ và đoạn tường rào nhà ông đã bị đổ là 24,75m để đảm bảo an toàn cho diện tích đất nhà ông không bị sạt lở và không bị đổ nốt đoạn còn lại. Đối với đoạn tường rào ông đã xây dựng để chắn đất trên phần đất nhà anh T, chị G ông không đề nghị xem xét giải quyết. Ngoài ra ông không có yêu cầu đề nghị gì khác.

2, Bị đơn bị đơn anh Đặng Văn T và Người có quyền, nghĩa vụ liên quan Tạ Thị Hồng G thống nhất trình bày: Anh T4, chị G có quyền sử dụng diện tích đất 888,8m² thuộc thửa đất số 103, tờ bản đồ số 11 tại khu B T, xã T (nay là khu B, xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/10/2015 đứng tên anh T4 và chị G. Đầu tháng 8/2021 anh T4, chị G có nhu cầu làm nhà nên có báo cáo UBND xã T (nay là UBND xã M) xin hạ cốt nền đất để làm nhà. Khi anh T4, chị G cho máy xúc đến diện tích đất trên để dọn dẹp thì ông H có đến trao đổi với anh T4, chị G về việc anh T4, chị G san gạt đất. Anh T4, chị G và ông H có thống nhất thỏa thuận khi anh T4, chị G múc đất hạ cốt nền thì anh T4, chị G để chừa lại 1,5m đất chiều ngang chạy dọc theo chiều dài của tường rào của nhà ông H. Sau khi thống nhất anh T4, chị G đã thi công san gạt hạ cốt nền đất nhà anh T4, chị G. Đến ngày 08/9/2021 trời mưa to nên phần đất nhà anh T4, chị G chừa lại 1,5m bị sạt dẫn đến đổ tường bao nhà ông H có chiều dài 10,6m bị đổ. Đối với đoạn tường bao còn lại của nhà ông H chưa bị đổ hiện nay có chiều dài là 19,5m cũng đã bị sạt lở đến chân móng tường bao của nhà ông H như hiện nay. Anh T4, chị G xác nhận khi anh T4, chị G đề nghị san gạt đất thì UBND xã T theo văn bản số 125 ngày 03/8/2021 đã cho anh T4, chị G san gạt mặt bằng diện tích 400m² đất ở và chiều cao trung bình là 1,5m nhưng để lấy mặt

bằng diện tích đất nên anh T4, chị G đã san gạt toàn bộ đất trên, đối với chiều cao xấp xỉ cho san gạt là 1,5m nhưng thực tế vợ chồng tôi đã san gạt nhiều hơn diện tích đất cho phép. Lỗi này là do anh T4, chị G thực hiện, không liên quan đến ai khác. Nay ông H yêu cầu anh T4, chị G phải bồi thường cho ông H đoạn tường bao bị đổ trị giá 1.665.000đ anh T4, chị G nhất trí. Đối với yêu cầu của ông H đề nghị anh T4, chị G phải xây tường rào kè đất ở vị trí đất của nhà anh T4, chị G để giữ đất nhà ông H cho đất nhà ông H khỏi bị sạt lở thì anh T4, chị G không nhất trí. Anh T4, chị G nhất trí với biên bản xem xét thẩm định, định giá tài sản của Tòa án ngày 07/3/2025 của Hội đồng thẩm định, định giá.

3, Người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông H có quyền sử dụng diện tích đất 1.209,9m² (trong đó có 400m² đất ở và 809,9m² đất trồng cây lâu năm), thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 11 tại địa chỉ: khu B, xã T (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/4/2021 đứng tên bà và ông H. Thửa đất nhà bà giáp với thửa đất nhà anh T4. Tháng 8/2021 anh T4, chị G có hạ cốt nền đất nhà anh T4, chị G nhưng không đúng với UBND xã T (nay là xã M) cho phép dẫn đến bị đổ tường rào nhà bà, phần tường còn lại cũng đã bị lở đến chân móng. Nay bà yêu cầu anh T4, chị G phải bồi thường cho gia đình bà đoạn tường rào bị đổ và anh T4, chị G phải xây tường rào kè chắn đất cho gia đình nhà bà không bị sạt lở đất và đổ tường rào. Đối với đoạn tường rào kè đất nhà bà tự xây dựng bà không yêu cầu xem xét giải quyết. Bà nhất trí với mọi quan điểm của ông H. Ngoài ra bà không đề nghị giải quyết vấn đề gì khác.

4, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Đại diện UBND xã M (Người đại diện theo ủy quyền) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã trình bày có nội dung: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1975 và chị Tạ Thị Hồng G, sinh năm 1982. Nơi ĐKKHTT tại khu X, xã T (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ có quyền sử dụng đất là thửa đất số 103, tờ bản đồ số 11, diện tích 888,8 m² (trong đó đất ở ONT = 400,0m², đất trồng cây lâu năm = 488,8m²), địa chỉ thửa đất tại khu B- T, xã T (nay là khu B, xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 284585 ngày 23/10/2015 đứng tên anh Đặng Văn T và chị Tạ Thị Hồng G. Quá trình sử dụng đất ngày 27/7/2021 chị G có đơn xin hạ cốt nền thổ cư và ngày 03/8/2021 anh T, chị G có Đơn đề nghị cho phép san gạt mặt bằng, hạ cốt nền để xây dựng nhà ở gửi UBND xã T (nay là xã M), huyện C để đề nghị được đăng ký san gạt mặt bằng, hạ cốt nền trong phạm vi diện tích đất sử dụng để xây dựng nhà ở, cụ thể: Vị trí là thửa đất số 103, tờ bản đồ số 11, diện tích 888,8 m² (trong đó đất ở ONT = 400,0m², đất trồng cây lâu năm = 488,8m²), địa chỉ thửa đất tại khu B, xã T (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 284585 ngày 23/10/2015; độ sâu trung bình là 1,5m; khối lượng đất san, hạ nền là 600,0m³, thiết bị máy móc thi công gồm: Máy xúc 01 chiếc, ô tô loại 02 tấn 01 chiếc; tình trạng và chất lượng xe 80%; Nơi đổ đất: Đất đổ làm nền xây dựng cho ông Ngô Thế D tại địa chỉ đổ đất là khu X, xã T; Thời gian thực hiện là 07 ngày, kể từ ngày văn bản được chấp thuận.

Ngày 02/8/2021 UBND xã T đã tiến hành thẩm định hiện trạng đề nghị san gạt mặt bằng, hạ cốt nền đất ở tại vị trí thửa đất xin san gạt, hạ cốt nền của anh T, chị G. Ngày 02/8/2021 UBND xã T có Thông báo số 24/TB – UBND về việc xem xét đơn của công dân đề nghị san gạt, hạ cốt nền đất ở. Ngày 03/8/2021 UBND xã T có Công văn số 125/UBND – ĐC với nội dung:

+ Đồng ý cho hộ anh T, chị G được san gạt mặt bằng, hạ cốt nền trong phần đất ở được giao.; Về vị trí, diện tích đất san gạt mặt bằng : 400 m² thuộc thửa đất số 103, tờ bản đồ số 11, thuộc khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 284585 ngày 23/10/2015. Mục đích: để cải tạo mặt bằng làm nhà ở; Quy hoạch sử dụng đất: Phù hợp quy hoạch khu dân cư; Phương thức thực hiện cải tạo: San gạt mặt bằng, hạ cốt nền trong phạm vi đất ở; Tổng diện tích xin hạ nền: 400 m²; loại đất ở tại nông thôn (ONT); Đào đất, hạ nền: Chiều cao trung bình 1,5m; Khối lượng đất dôi dư cần vận chuyển ra khỏi vị trí san hạ: 600,0m³; Thiết bị máy móc thi công gồm: Máy xúc 01 chiếc, ô tô loại 02 tấn 01 chiếc; Vị trí đổ đất dôi dư đổ đất làm mặt bằng xây dựng nhà ở cho ông Ngô Thế D, khu M, xã T; Thời gian thực hiện là 07 ngày, kể từ ngày ký văn bản chấp thuận.

+ Chủ hộ ông T, bà G có trách nhiệm: Tiến hành san gạt mặt bằng, hạ nền theo đúng diện tích, độ sâu, khối lượng quy định đã đăng ký xin san gạt, hạ nền tại mục 1; Khi thi công không được làm ảnh hưởng đến các công trình công cộng, giao thông, thủy lợi, ảnh hưởng đến môi trường, phải đảm bảo an toàn lao động, an toàn đất đai và các công trình liền kề (VKT), thực hiện đúng quy trình thi công, nếu để xảy ra vấn đề rạn, nứt công trình xung quanh nguyên nhân do san gạt, hạ nền thì gia đình chị G phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn ảnh hưởng đến môi trường và các hộ dân sống trong khu vực phải tạm dừng thi công, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời theo quy định; Chủ hộ có trách nhiệm đến cơ quan Chi cục thuế C1 kê khai nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành; Sau khi cải tạo mặt bằng xong chủ hộ tiếp tục sử dụng đất theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không làm thay đổi mục đích sử dụng đất. Áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường khu vực san gạt, khu dân cư trong quá trình thực hiện. Thường xuyên thực hiện các biện pháp kiểm soát cam kết bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực thi công, thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành. Trường hợp chủ hộ vi phạm các nội dung đã đăng ký và quy định khác của pháp luật sẽ đình chỉ thi công, trường hợp nghiêm trọng thu hồi, hủy bỏ văn bản và chủ hộ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề có liên quan.

Sau khi được Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã M) cho phép được san gạt, hạ cốt nền như trên thì anh T, chị G đã tiến hành san gạt đất, hạ cốt nền. Anh T4, chị G đã san gạt toàn bộ diện tích đất 888,8 m² và san gạt quá độ sâu cho phép dẫn đến sạt đất, làm đổ tường bao nhà ông H, là vị trí bức tường bị đổ theo như biên bản thẩm định ngày 07/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê. Sau khi bức tường bao nhà ông H bị đổ, ông H đã báo cáo chính quyền địa phương, địa phương cũng đã đôn đốc anh T4, chị

G có biện pháp bồi thường cho ông H và khắc phục, xây tường kè chắn đất nhưng đến nay anh T4, chị G vẫn chưa thực hiện.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu anh T4, chị G bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng UBND xã M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5, Kết quả xác minh tại UBND xã M ngày 07/3/2025, xác định: Ông Triệu Văn H và bà Nguyễn Thị L có quyền sử dụng đất là thửa đất số 86, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.209,9m² tại khu B, xã T (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện C cấp GCNQSD đất ngày 01/4/2021 đứng tên ông H, bà L; Anh Đặng Văn T và chị Tạ Thị Hồng G có QSD đất là thửa đất số 103, tờ bản đồ số 11, diện tích 888,8m² tại khu 2, T, xã T (nay là Khu B, xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện C, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 23/10/2015 đứng tên anh T, chị G. Hai thửa đất này có vị trí tiếp giáp nhau, được ngăn cách bằng 1 bức tường rào xây bằng gạch xi do nhà ông H xây dựng. Ngày 27/7/2021 chị G có đơn xin hạ cốt nền, ngày 03/8/2021 anh T, chị G có đơn đề nghị cho phép san gạt mặt bằng, hạ cốt nền để xây dựng nhà gửi UBND xã T để đề nghị được đăng ký san gạt, hạ cốt nền trong phạm vi diện tích sử dụng để xây nhà ở. Ngày 02/8/2021 UBND xã T đã tiến hành thẩm định hiện trạng đất ở vị trí thửa đất xin san gạt, hạ cốt nền của anh T, chị G. Ngày 02/8/2021 UBND xã T có Thông báo số 24 về việc xem xét đơn của công dân đề nghị san gạt, hạ cốt nền đất ở. Ngày 03/8/2021 UBND xã T có Công văn số 125 với nội dung đồng ý cho anh T, chị G được san gạt mặt bằng, hạ cốt nền trong phần đất ở được giao. Tuy nhiên anh T, chị G đã san gạt toàn bộ diện tích đất 888,8m² và san gạt quá độ sâu cho phép dẫn đến sạt đất, làm đổ tường rào bao quanh nhà ông H bị đổ, là bị trí bức tường đã bị đổ theo như biên bản thẩm định ngày 07/3/2025 của Tòa án. Sau khi bức tường rào nhà ông H bị đổ, ông H đã báo cáo chính quyền địa phương, địa phương đã đôn đốc chị G, anh T bồi thường cho ông H bức tường bị đổ và khắc phục xây tường kè chắn đất nhưng anh T, chị G vẫn chưa thực hiện.

6, Tại biên bản thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 07/3/2025 đã xác định: Đoạn tường rào đã bị đổ có chiều dài là 10,6m, Đoạn tường rào chưa bị đổ có chiều dài là 19,5m. Đoạn tường rào đã bị đổ có chiều dài là 10,6m được Hội đồng định giá là 1.665.000đ. Đối với đoạn tường rào chưa bị đổ đã bị sạt lở đến phần chân móng tường rào. Tại vị trí đoạn tường rào bị đổ hiện nay ông H đã xây dựng tường kè để giữ đất có chiều dài tính từ vị trí mép công là 5,35m.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị áp dụng Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Khoản 1 Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 175; Điều 584, Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu Văn H đối với bị đơn anh Đặng Văn T.

+ Buộc anh Đặng Văn T và chị Tạ Thị Hồng G phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Triệu Văn H và bà Nguyễn Thị L tiền trị giá bức tường rào bị đổ 10,6m số tiền là 1.665.000đ (Một triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

+ Buộc anh Đặng Văn T, chị Tạ Thị Hồng G phải xây dựng tường chắn đất hoặc có biện pháp kỹ thuật gia cố phù hợp trên phần đất thuộc quyền sử dụng đất nhà anh T, chị G tại thửa đất số thửa đất số 103, tại vị trí giáp ranh với phần tường rào đã bị đổ và phần tường rào chưa bị đổ của nhà ông H, bà L có chiều dài là 24,75m, nhằm ngăn chặn nguy cơ tiếp tục sạt lở và thiệt hại tài sản cho nhà ông H, bà L. Thời hạn hoàn thành việc xây dựng tường chắn đất hoặc có biện pháp kỹ thuật gia cố phù hợp là 30 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) tiền chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản.

Trả lại cho ông H tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng). Anh T4 phải nộp số tiền này để trả cho ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngày 22/4/2024 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của ông Triệu Văn H tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với anh Đặng Văn T cư trú tại khu X, xã T (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ là đúng quy định tại khoản 6 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của của đương sự: Bị đơn anh Đặng Văn T và Người có quyền, nghĩa vụ liên quan chị Tạ Thị Hồng G, UBND xã M, người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Danh P1 có quan điểm xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1,

Điều 227, khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Triệu Văn H về việc yêu cầu anh T, chị G phải bồi thường đoạn tường rào bị đổ của nhà ông là 10,6m trị giá 1.665.000đ cho ông H và bà L. Hội đồng nhận định việc ông H yêu cầu anh T, chị G phải bồi thường cho ông H, bà L là có căn cứ. Bởi lẽ, quá trình giải quyết vụ án xác định bức tường rào của nhà ông H, bà L bị đổ là do anh T, chị G san gạt đất, hạ cốt nền đất nhà anh T không đúng với quy định của UBND xã T (nay là xã M) cho phép. Cụ thể, UBND xã cho phép anh T, chị G san gạt diện tích đất của thửa đất số 103, tờ bản đồ số 11 là 400m² với chiều cao trung bình 1,5m. Tuy nhiên, anh T, chị G đã san gạt toàn bộ diện tích đất trên và chiều cao vượt quá giới hạn của UBND xã cho phép nên dẫn đến làm đổ đoạn tường rào nhà ông có chiều dài là 10,6m. Phía anh T, chị G cũng đã xác nhận đoạn tường rào nhà ông H, bà L bị đổ là do anh T, chị G san gạt, hạ cốt nền quá quy định nên dẫn đến sạt đất, đổ đoạn tường rào trên của nhà ông H, bà L. Ông H yêu cầu anh T, chị G phải bồi thường đoạn tường rào bị đổ số tiền 1.665.000đ, anh T, chị G nhất trí. Do vậy cần buộc anh T, chị G bồi thường thiệt hại đối với bức tường bị đổ cho ông H, bà L số tiền 1.665.000đ là phù hợp.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Triệu Văn H về việc yêu cầu anh T, chị G phải xây dựng tường rào kè chắn đất trên diện tích đất của nhà anh T phía giáp với đất nhà ông có chiều dài tương ứng với đoạn tường rào nhà ông chưa bị đổ và đoạn tường rào nhà ông đã bị đổ là 24,75m để đảm bảo an toàn cho diện tích đất nhà ông không bị sạt lở và không bị đổ nốt đoạn còn lại. Phía anh T, chị G không nhất trí xây tường kè để giữ đất cho nhà ông H, bà L. Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định đối với thiệt hại về tài sản theo yêu cầu của ông H, xác định được đoạn T1 rào nhà ông H đã bị đổ là 10,6m, đoạn tường rào chưa bị đổ là 19,5m. Tổng hai đoạn là 30,1m. Tại vị trí đoạn tường rào bị đổ hiện nay ông H đã xây dựng tường kè để giữ đất có chiều dài tính từ vị trí mép cống là 5,35m. Như vậy chiều dài của đoạn tường đã bị đổ và đoạn tường chưa bị đổ nhưng đã bị sạt lở đến phần chân móng tường rào có chiều dài là 24,75m. Việc ông H yêu cầu anh T, chị G xây tường rào kè chắn đất tại vị trí đất tiếp giáp với đất nhà ông H có chiều dài 24,75m nhằm phòng ngừa nguy cơ sạt lở đất và đổ nốt đoạn tường rào còn lại là có cơ sở, phù hợp với nghĩa vụ ngăn ngừa thiệt hại phát sinh. Mặt khác tại biên bản xác minh, biên bản xem xét thẩm định tài sản, lời khai của các đương sự thì xác định đoạn tường rào chưa bị đổ nhà ông H, bà L đã bị sạt lở đất phía nhà anh T, chị G đến phần chân móng tường rào, chiều cao từ nền đất nhà anh T, chị G đến chân móng có chiều cao trung bình là 4,5m, có nguy cơ tiếp tục bị đổ nếu không có biện pháp phòng ngừa. Vì vậy, nếu không có biện pháp phòng ngừa thì có thể sẽ tiếp tục dẫn đến thiệt hại về tài sản hoặc ảnh hưởng đến sự an toàn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi chính đáng của nguyên đơn cần buộc anh T, chị G phải xây dựng tường chắn đất trên phần đất của nhà anh T, chị G tại khu vực giáp ranh

với phần đất nhà ông H, bà L có chiều dài 24,75m, nhằm ngăn chặn nguy cơ tiếp tục gây sạt lở và thiệt hại cho tài sản là phù hợp.

[2.3] Đối với đoạn tường rào ông H, bà L đã xây dựng để chắn đất trên phần đất nhà anh T, chị G. Ông H không đề nghị xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh T chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng).

Trả lại cho ông H tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng). Anh T4 phải nộp số tiền này để trả cho ông H.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Khoản 1 Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 175; Điều 584, Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1], Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu Văn H đối với bị đơn anh Đặng Văn T.

[1.1], Buộc anh Đặng Văn T và chị Tạ Thị Hồng G phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Triệu Văn H và bà Nguyễn Thị L tiền trị giá bức tường rào bị đổ 10,6m số tiền là 1.665.000đ (Một triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

[1.1], Buộc anh Đặng Văn T, chị Tạ Thị Hồng G phải xây dựng tường chắn đất hoặc có biện pháp kỹ thuật gia cố phù hợp trên phần đất thuộc quyền sử dụng đất nhà anh T, chị G tại thửa đất số thửa đất số 103, tại vị trí giáp ranh với phần tường rào đã bị đổ và phần tường rào chưa bị đổ của nhà ông H, bà L có chiều dài là 24,75m, nhằm ngăn chặn nguy cơ tiếp tục sạt lở và thiệt hại tài sản cho nhà ông H, bà L. Thời hạn hoàn thành việc xây dựng tường chắn đất hoặc có biện pháp kỹ thuật gia cố phù hợp là 30 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2], Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) tiền chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản.

Trả lại cho ông H tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng). Anh T4 phải nộp số tiền này để trả cho ông H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- Lưu HS - VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền